

Những thay đổi chính sách kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông sau 10 năm triển khai Nghị quyết 29/NQ-TW

Nguyễn Quý Thanh¹, Phạm Quang Tiệp²,
Lê Thái Hưng^{*3}, Lê Lâm⁴

¹ Email: ngqthanh@vnu.edu.vn

² Email: tiep@vnu.edu.vn

* Tác giả liên hệ

³ Email: hunglethai82@gmail.com

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

⁴ Email: lamdaiviet1@gmail.com

Trường Cao đẳng Đại Việt - Sài Gòn
193 Nguyễn Xí, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÓM TẮT: Ngày 04 tháng 11 năm 2013, tại Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI của Đảng đã ban hành Nghị quyết 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã chỉ rõ: “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo”. Sau 10 năm triển khai Nghị quyết 29/NQ-TW của Đảng, giáo dục Việt Nam đã có những đổi thay to lớn trên nhiều phương diện. Trong đó, lĩnh vực kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục đã có những bước đột phá mang tính cách mạng, góp phần không nhỏ vào thành công chung của công cuộc đổi mới giáo dục giai đoạn hiện nay. Bài viết này là một phần trong kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học “Khảo sát và nghiên cứu về đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông”. Nội dung bài viết tập trung vào các vấn đề chính sau: 1) Xem xét những thay đổi về chính sách kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông từ sau Nghị quyết 29/NQ-TW; 2) Đánh giá ưu điểm và tồn tại của những chính sách về kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông 10 năm qua.

TỪ KHÓA: Kiểm tra, đánh giá, đổi mới giáo dục, giáo dục phổ thông, đánh giá năng lực.

→ Nhận bài 19/11/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 19/12/2023 → Duyệt đăng 15/01/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410101>

1. Đặt vấn đề

Lịch sử phát triển nhân loại hàng nghìn năm qua đã chứng minh giáo dục là tiền đề, động lực và mục tiêu phát triển của mỗi quốc gia. Chính vì thế, Việt Nam xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu, nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho từng lĩnh vực xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cách đây 10 năm, Nghị quyết 29/NQ-TW ra đời và được xem như một dấu mốc quan trọng, khởi xướng quá trình đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục nước nhà theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế [1]. Tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý để giáo dục học sinh phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của môi trường học tập đa dạng và thay đổi trong thời đại bùng nổ khoa học công nghệ của kỉ nguyên trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, in 3D... Kể từ khi Nghị quyết 29/NQ-TW ra đời, ngành Giáo dục Việt Nam đã có những chuyển biến rõ rệt từ việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông vào năm 2018, triển khai sách giáo khoa mới, một loạt văn bản chính sách về đổi mới hoạt động giáo dục và kiểm tra, đánh giá được ban hành, kèm theo đó là những hoạt động bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí... nhằm đảm bảo các điều kiện thực hiện.

Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục có giá trị không chỉ cho người dạy, người học mà còn cả cho nhà quản lí. Đây là khâu quan trọng tác động lớn đến quá trình nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá được sử dụng làm cơ sở để đưa ra những quyết định khác nhau liên quan đến người học, chương trình, nhà trường, chính sách giáo dục. Việc kiểm tra, đánh giá khách quan, nghiêm túc, đúng cách, đúng hướng sẽ là động lực mạnh mẽ khích lệ sự vươn lên trong học tập của người học, thúc đẩy sự tìm tòi sáng tạo không ngừng của người học. Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục, đào tạo là quá trình thu thập và phân tích, lí giải thông tin một cách có hệ thống về mức độ đạt đến mục tiêu dạy học, giáo dục của học sinh. Theo Nitko and Brookhart (2007), những quyết định được đưa ra dựa trên kết quả kiểm tra, đánh giá bao gồm quyết định về việc tổ chức hoạt động dạy học như thế nào cho phù hợp và hiệu quả, sắp xếp học sinh vào nhóm, lớp hoặc chương trình, phản hồi để hướng dẫn học sinh học tập, chứng nhận hoàn thành một chương trình hoặc đạt đến một trình độ nhất định, kiểm tra đánh giá hiệu quả của một chương trình và làm thế nào để tiếp tục nâng cao chất lượng chương trình, điều chỉnh chính sách giáo

dục ở các cấp độ hành chính khác nhau, từ địa phương tới quốc gia [2, tr.4]... Kiểm tra, đánh giá không chỉ là sự xác nhận khách quan mà còn thể hiện trách nhiệm giải trình của những người làm giáo dục, căn cứ để thực hiện sự cải tiến không ngừng vì sự tiến bộ của người học. Nghị quyết 29/NQ-TW về Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đã đưa ra nhiệm vụ: “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp kiểm tra, thi và kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục, bảo đảm trung thực, khách quan, chính xác, theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học” nhằm xây dựng hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục một cách khoa học, hiệu quả, góp phần tạo ra nền giáo dục thực chất, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW, giáo dục và đào tạo ở nước ta đã có những thay đổi to lớn. Bên cạnh đó, nhiều bất cập cần tiếp tục thảo luận để tìm kiếm những giải pháp hữu hiệu, nhằm đưa nền giáo dục của Việt Nam phát triển mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kì mới. Vì vậy, việc nghiên cứu đánh giá hiệu quả và sự ảnh hưởng của những đổi mới này sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW để góp phần xác định các vấn đề tồn tại, các thách thức đối với hệ thống giáo dục là một yêu cầu cấp thiết của hệ thống giáo dục; thể hiện trách nhiệm giải trình của ngành Giáo dục với xã hội; kiểm nghiệm mục tiêu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Bài viết này tập trung vào các vấn đề chính sau đây: 1) Xem xét những thay đổi về chính sách kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông từ sau Nghị quyết 29/NQ-TW; 2) Đánh giá ưu điểm và tồn tại của những chính sách về kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông 10 năm qua.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được áp dụng để giải quyết vấn đề đặt ra là phương pháp nghiên cứu tài liệu. Trong đó, các tác giả đã tiến hành phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hoá lí thuyết, mô hình hoá, giả thuyết để tổng quan và xây dựng cơ sở lí luận của vấn đề nghiên cứu. Các tài liệu được tập hợp, bao gồm: Các nghiên cứu trong và ngoài nước về kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục theo tiếp cận năng lực, Nghị quyết 29/NQ-TW, Chương trình Giáo dục phổ thông; các văn bản, chính sách, hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục; các báo cáo tổng kết năm học/giai đoạn 05 thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW... Từ đó, xây dựng khung phân tích chính sách về kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông ở cấp độ trường, cấp độ người học. Những phân tích, đánh giá về chính sách kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông của

Việt Nam sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW được thực hiện dựa trên ba tiếp cận chủ yếu sau:

Tiếp cận hệ thống: Khi nghiên cứu sự vật hiện tượng, quá trình của thế giới phải xem xét toàn diện, nhiều mặt, nhiều mối quan hệ liên hệ trong trạng thái vận động và phát triển với việc phân tích những điều kiện nhất định để tìm ra bản chất và quy luật vận động của đối tượng. Trong nghiên cứu này, đó là sự xem xét một cách chỉnh thể: Từ Nghị quyết 29/NQ-TW đến Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; xem xét việc đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông ở cấp độ trường (chính sách về kiểm định chất lượng giáo dục), đánh giá năng lực phẩm chất người học; từ nhiều kênh thông tin: Phân tích sự thay đổi các chính sách đến thực tiễn qua sự thay đổi nhận thức và thực hành của giáo viên, cán bộ quản lí.

Tiếp cận lịch sử: Khi nghiên cứu các hiện tượng giáo dục phải tìm hiểu, phát hiện sự nảy sinh, phát triển của giáo dục trong những thời gian và không gian cụ thể với những điều kiện hoàn cảnh cụ thể để phát hiện ra quy luật tất yếu của quá trình dạy học - giáo dục. Việc nghiên cứu sự thay đổi chính sách về kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông trong giai đoạn 10 năm cần dựa trên bối cảnh thực tiễn của từng giai đoạn thực hiện, trước Nghị quyết 29/NQ-TW (năm 2013 trở về trước), sau Nghị quyết 29/NQ-TW (năm 2013-2018), giai đoạn Chương trình Giáo dục phổ thông được ban hành (năm 2018), giai đoạn thực hiện đan xen giữa chương trình giáo dục cũ và mới (năm 2020 - 2023) để có những nhận xét, phân tích phù hợp.

Tiếp cận hoạt động: Trong nghiên cứu khi khám phá nhìn nhận sự vật, sự việc, ta phải đặt chúng trong trạng thái động để tìm ra bản chất của sự vật. Tiếp cận hoạt động trong nghiên cứu khoa học giáo dục là nghiên cứu, khám phá, tìm ra bản chất, quy luật của sự vận động và phát triển của sự vật hiện tượng trong giáo dục thông qua các hoạt động. Việc đánh giá đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông cần ghi nhận thực tiễn, đồng thời nhìn nhận xu hướng phát triển liên tục để có những đánh giá khách quan và giá trị; làm cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp với bối cảnh.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Tổng quan nghiên cứu về kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông

Những năm gần đây, xu hướng giáo dục chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực đã trở thành tư tưởng chủ đạo của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới với mục tiêu giúp người học vận dụng kiến thức kĩ năng đã học vào giải quyết các vấn đề trong bối cảnh thực [3]. Quá trình thay đổi Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể đòi hỏi sự thay đổi toàn diện và linh hoạt từ chính sách đến hoạt động giáo dục trên lớp học. ExcelinEd và EducationCounsel (2017) đã đưa ra

những mô tả về yêu cầu khi thực hiện quy trình chuyển đổi giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực từ hình thức truyền thống (tradition) đến chuyển tiếp (transition) và chuyên đổi (transformation) [4] (xem Hình 1). Theo đó, đổi mới giáo dục cần có sự thay đổi từ cấp vĩ mô như chính sách, chương trình quốc gia, địa phương đến những những hoạt động cụ thể nhằm thúc đẩy sự chấp nhận thay đổi của từng giáo viên, cán bộ quản lí và các cơ sở giáo dục. Cùng với đó là sự thấu hiểu và chung tay của cộng đồng xã hội qua truyền thông đa phương tiện, đối thoại trực tiếp...

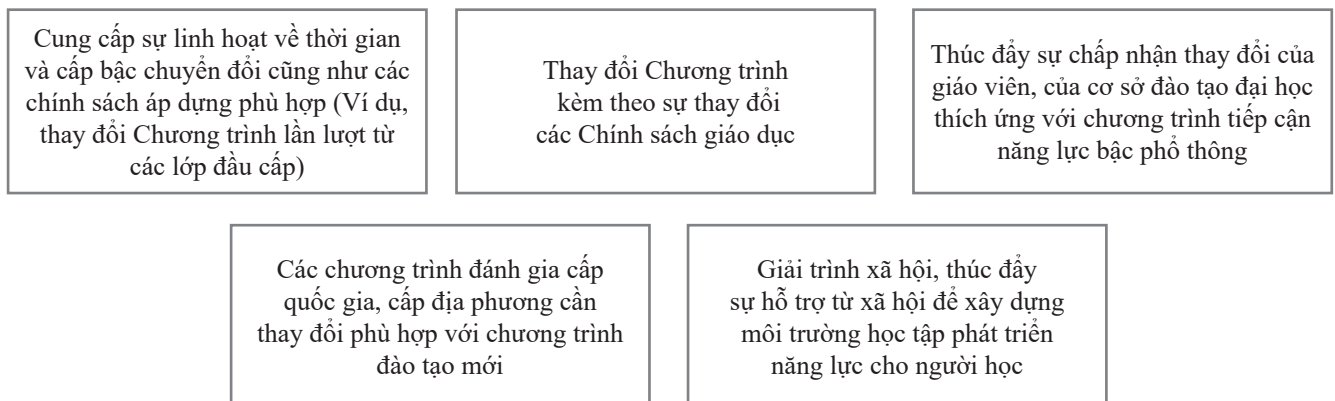
Đánh giá kết quả học tập và năng lực người học là một khâu then chốt trong quá trình đổi mới, nâng cao hiệu quả giáo dục. Hoạt động đánh giá giúp cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh về kết quả học tập đạt được cũng như cách thức để cải tiến, nâng cao hiệu quả của quá trình dạy và học. Sự ra đời của các phương thức dạy học mới, các hình thức tổ chức dạy học hiện đại, phương tiện công nghệ trong giáo dục đòi hỏi sự cải tiến những phương thức tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng mới, phù hợp với thực tiễn dạy và học, tăng tính hiệu quả và sự thuận tiện cho các nhân tố xung quanh.

Đánh giá năng lực hay đánh giá dựa trên năng lực là quá trình xác định xem một cá nhân có đạt được các tiêu chuẩn cần thiết thực hiện cho một công việc hay không [5]. Trong giáo dục, hoạt động dạy học và đánh giá theo tiếp cận năng lực phổ biến ở Mỹ những năm 1970, bắt đầu có những ảnh hưởng lớn ở các nước nói tiếng Anh đầu những năm 1980 [6]. Đánh giá năng lực trong giáo dục được định nghĩa là hoạt động đo lường năng lực của học sinh dựa trên các tiêu chuẩn thực hiện. Đó là quá trình thu thập minh chứng để phân tích quá trình và thành quả học tập của người học [7]. Như vậy, có hai yếu tố quan trọng khi đánh giá dựa trên năng lực là sự trình diễn (nội dung đánh giá) của người học và tiêu chuẩn hình thành năng lực. Điều này cũng mở ra hướng nghiên cứu về khung năng lực và phương pháp, cách thức đánh giá năng lực hiệu quả.

Từ những năm 90 thế kỉ XX, Wolf (1995) thảo luận

về lợi ích của đánh giá năng lực bao gồm khả năng cung cấp một khung đánh giá và phản hồi rõ ràng, tính linh hoạt trong việc cho phép người học tiến bộ theo tốc độ của riêng họ, tập trung vào các năng lực cụ thể có liên quan trực tiếp đến môi trường xung quanh. Cách tiếp cận năng lực nhấn mạnh đến việc đánh giá các năng lực bậc cao, khả năng giải quyết vấn đề của người học trong các bối cảnh phức tạp, mang tính thực tiễn. Tương tự, Siobhan và cộng sự (2005) cho rằng, đánh giá theo tiếp cận năng lực giúp giáo viên thu thập được các minh chứng rõ ràng về thành tích học tập của học sinh. Các minh chứng này sẽ giúp giáo viên đánh giá và định hướng hoạt động giảng dạy của mình chính xác hơn, giúp đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của từng học sinh. Việc định hướng giáo dục năng lực giúp học sinh hiểu rõ hơn về năng lực của mình, định hướng cho sự phát triển tương lai của bản thân. Học sinh sẽ biết được điểm mạnh và điểm yếu của mình, cách để phát triển và tăng cường năng lực của mình. Điều này giúp học sinh phát triển sự tự tin, tạo động lực cho việc học tập, nâng cao hiệu quả học tập [8].

Hơn nữa, tiếp cận năng lực giúp giáo viên áp dụng đa dạng phương pháp giảng dạy để đáp ứng nhu cầu học tập của từng học sinh. Phương pháp này nhấn mạnh sự khác biệt và sự đa dạng của học sinh trong lớp học, cung cấp các phương pháp tương ứng để đáp ứng nhu cầu của từng học sinh. Tomlinson (2014) nhấn mạnh tiếp cận năng lực giúp cải thiện chất lượng giáo dục và động lực cho sự phát triển của giáo viên. Việc định hướng giáo dục năng lực giúp giáo viên nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu của mình và tìm cách phát triển năng lực của mình để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Ngoài ra, giáo viên áp dụng các kĩ năng đánh giá năng lực để đánh giá hiệu quả học tập của học sinh và tìm cách để nâng cao chất lượng giáo dục [9]. Cũng trong nghiên cứu này, tác giả đã chỉ ra phương pháp giảng dạy đa dạng giúp tăng cường năng lực của học sinh bằng cách tập trung vào nhu cầu riêng biệt của từng em, bao gồm nhu cầu học tập và phát triển. Khi giáo viên phát hiện ra các nhu cầu đặc biệt của học sinh,



Hình 1: Yêu cầu của quá trình chuyển tiếp Chương trình giáo dục (ExcelinEd and Education Counsel, 2017)

họ cung cấp những phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp học sinh phát triển các kỹ năng và kiến thức cần thiết để đạt được mục tiêu học tập của mình.

Hiện tại, các phương pháp tổ chức kiểm tra, đánh giá giáo dục mới được nghiên cứu và ứng dụng dựa trên dữ liệu kết quả kiểm tra thực của người học. Thế giới thống kê giáo dục đã trở nên đông đúc hơn với dữ liệu quy mô lớn có sẵn thông qua các bài kiểm tra trực tuyến và các hành vi học tập trực tuyến. Sự ra đời của công nghệ điện toán có nghĩa là có thể tự động hóa quá trình tạo mục và chấm điểm hiệu suất cùng với việc tùy chỉnh nội dung bài kiểm tra theo hiệu suất của người làm bài kiểm tra [10], [11], [12]. Đại dịch COVID-19 đã nhanh chóng đưa hình thức kiểm tra trực tuyến và kiểm tra từ xa trở thành một thông lệ phổ biến với những lo ngại đặt ra về cách sử dụng công nghệ để đảm bảo tính trung thực trong kết quả của học sinh [13]. Các nhà nghiên cứu đã dự báo về xu hướng ứng dụng kiểm tra, đánh giá từ xa, đánh giá thích ứng trong giáo dục nhằm rút ngắn thời gian và chi phí thực hiện, tăng tính khách quan và thuận tiện so với kiểm tra đánh giá giáo dục truyền thống. Việc sử dụng giám thị từ xa chuyên nghiệp giúp tái tạo trải nghiệm phòng thi trong môi trường trực tuyến, đồng nghĩa với việc không sử dụng các phương pháp phân phối đánh giá truyền thống, chẳng hạn như tổ chức các kỳ thi tại một trung tâm kiểm tra. Giám thị từ xa (còn được gọi là giám thị trực tuyến) có nghĩa là một kỳ thi an toàn có thể được thực hiện từ bất kỳ địa điểm nào miễn là có kết nối Internet. Điều này mang lại sự linh hoạt cho các thí sinh, những người có thể dự thi vào thời gian và địa điểm phù hợp với họ, thay vì tốn thời gian và phát sinh chi phí liên quan đến việc nghỉ và đi đến trung tâm tổ chức thi [14].

Trong bối cảnh ở Việt Nam, công tác đổi mới kiểm tra, đánh giá đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tích cực triển khai thí điểm cùng với việc áp dụng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Do đây là chương trình giáo dục mới đòi hỏi cán bộ quản lý và các nhà giáo dục cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng, xem xét những nhân tố tác động của hình thức kiểm tra, đánh giá trong mối quan hệ hiệu quả của giáo dục. Các hình thức đánh giá quá trình, đánh giá thực được khuyến khích sử dụng nhằm nâng cao khả năng áp dụng thực tiễn và tư duy phản biện, tự học của người học. Đánh giá theo tiếp cận năng lực được nhấn mạnh đến đặc trưng của đánh giá thực là yêu cầu người phải kiến tạo một sản phẩm chứ không phải chọn hay viết ra một câu trả lời; người dạy đo lường cả quá trình và cả sản phẩm của quá trình đó, trình bày một vấn đề thực - trong thế giới cho phép người học bộc lộ khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế, đồng thời điều này cũng cho phép người học bộc lộ quá trình học và tư duy của họ thông qua việc thực hiện bài thi [15]. Đánh giá thực cho phép thu hẹp khoảng cách giữa những gì người học được học trên trường với

những điều diễn ra trong cuộc sống thực. Đánh giá thực được thực hiện trong một quá trình mà trong đó người dạy sử dụng một bài thi hay một nhiệm vụ mà người học phải hoàn thành để thu thập thông tin về cách thức mà họ thực hiện nhiệm vụ đó [16]. Việc chuyển đổi từ đánh giá truyền thống chú trọng vào nội dung tri thức, điểm số, xếp loại sang đánh giá năng lực chú trọng tới trải nghiệm học tập, phát triển năng lực và phẩm chất học sinh cũng đã tạo ra những chuyển biến trong nhận thức và thực hành của giáo viên [17].

Sau giai đoạn COVID-19 với sự bùng nổ phát triển của các ứng dụng công nghệ, một số công cụ hiện đại giúp đổi mới cách tổ chức đánh giá ở trường phổ thông hiện nay có thể kể đến như Lê Thái Hưng, Nguyễn Thái Hà, (2021) [18], Quizlet, Quizziz, Kahoot, Liveworksheet, Blocket, Nearpod... Việc tổ chức dạy học trong môi trường học tập kết hợp (Blended learning) đã được triển khai ở các cấp bậc học với tinh thần “Ngừng đến trường nhưng không ngừng học tập”, cũng đã mang lại những cơ hội tốt để đội ngũ giáo viên, giảng viên hình thành và phát triển năng lực dạy học và kiểm tra trong môi trường số [19]. Ngoài ra, với sự hỗ trợ của các ứng dụng công nghệ thông minh, kiểm tra, đánh giá dưới hình thức dự án được thể hiện trực tiếp một cách sáng tạo, thể hiện năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thuyết trình và thích ứng của người học để tạo ra các sản phẩm phục vụ quá trình tiếp thu kiến thức và lĩnh hội kiến thức. Do vậy, các công cụ hiện đại này phải phát huy được những ưu điểm vượt trội hơn với các hình thức kiểm tra, đánh giá truyền thống, khắc phục những hạn chế còn tồn đọng trong cách thức kiểm tra, đánh giá cũ, đặc biệt là đánh giá người học theo hướng tiếp cận nội dung. Người dạy và người học song song chủ động trong hoạt động kiểm tra, đánh giá, dễ dàng tương tác, thảo luận, chia sẻ với nhau trên các nền tảng để giúp người học ngày càng hoàn thiện về mọi mặt. Ngoài việc được người dạy đánh giá, người học còn được khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo lẫn nhau. Người học được chú trọng phát triển năng lực cá nhân, khuyến khích thể hiện cá tính và sự sáng tạo trên nhiều lĩnh vực của bản thân. Qua đó, hoạt động kiểm tra, đánh giá được diễn ra toàn diện và hiệu quả hơn so với các hình thức, cách thức kiểm tra, đánh giá theo lối truyền thống [20].

Bên cạnh hoạt động đánh giá học sinh trên lớp học, các kỳ thi chuyên cấp đóng vai trò quan trọng và không thể thiếu trong hệ thống giáo dục phổ thông. Đây là cơ hội để học sinh chứng tỏ năng lực và tiến bộ của họ sau một thời gian học tập. Đồng thời, đây là cơ hội để họ chuyển tiếp sang cấp học mới với những kỹ năng và kiến thức cần thiết. Một trong những ưu điểm và cũng là yêu cầu nổi bật của thi chuyên cấp là việc đánh giá công bằng, khách quan sự tiến bộ của từng học sinh. Trong quá trình học tập, các em đã tích lũy kiến thức,

rèn luyện kỹ năng và phát triển năng lực. Thi chuyên cấp giúp định hướng chính xác khả năng và điểm mạnh của học sinh, từ đó xác định được hướng phát triển và sự phù hợp với các cấp học tiếp theo.

Ngoài ra, thi chuyên cấp còn khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh trong học tập. Học sinh biết rằng, để đạt kết quả tốt, họ cần nỗ lực hơn, tập trung hơn và kiên nhẫn hơn trong việc học tập. Điều này giúp tạo ra môi trường học tập tích cực, giúp các em phát triển tinh thần học hỏi, thúc đẩy khao khát tiến bộ và vươn lên trong học tập. Hơn nữa, thi chuyên cấp cũng tạo điều kiện thuận lợi để các nhà trường, giáo viên và phụ huynh đánh giá chất lượng giáo dục. Kết quả thi chuyên cấp cho phép các bên liên quan đánh giá hiệu quả phương pháp giảng dạy, chương trình học tập và cung cấp thông tin cần thiết để cải thiện hệ thống giáo dục.

Cuối cùng, thi chuyên cấp mang tính xác định và định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Kết quả của kì thi giúp học sinh nhận biết được khả năng và sở trường của mình, từ đó họ chọn lựa hướng đi phù hợp với sự quan tâm và đam mê cá nhân. Điều này giúp học sinh xác định được lộ trình học tập và nghề nghiệp, đồng thời giúp giảm thiểu tỉ lệ học sinh học sai ngành và gặp khó khăn trong tương lai. Đây cũng là một nội dung được Ngành Giáo dục nước ta quan tâm trong nhiều năm gần đây về phương thức tổ chức, dạng thức bài thi.

2.2.2. Một số thành tựu từ thay đổi về chính sách kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông sau Nghị quyết 29/NQ-TW

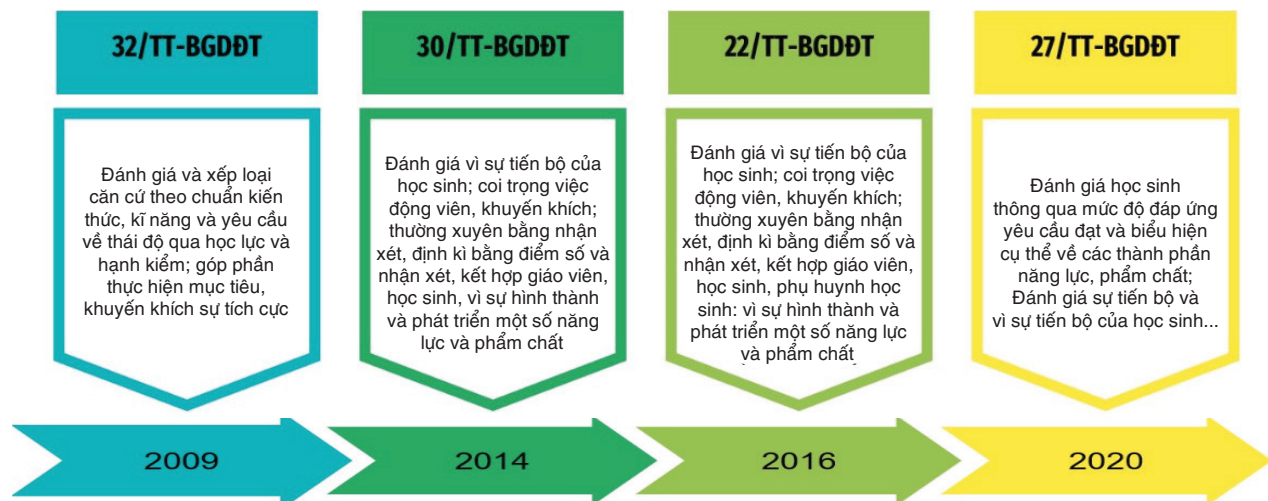
Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành nghiên cứu và thông qua hệ thống văn bản pháp quy nhằm thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá ở các trường học, và có các điều chỉnh cụ thể được thực hiện theo từng giai đoạn và cấp bậc học. Các định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông đã tiếp cận với những tiến bộ hiện

đại trong lĩnh vực khoa học kiểm tra, đánh giá trên toàn cầu. Qua 10 năm liên tiếp, có sự thay đổi và bổ sung liên quan đến quy định về công tác kiểm tra, đánh giá cho học sinh ở cấp Tiểu học và Trung học. Điều này cho thấy sự quan tâm của ngành Giáo dục đến quá trình đổi mới toàn diện kiểm tra, đánh giá trong giáo dục và đào tạo. Dù có những đặc điểm khác nhau nhưng chính sách đánh giá học sinh cả cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông đều thể hiện những điểm tích cực sau:

a. Sự chuyển dịch mục đích, nguyên tắc đánh giá từ phân loại chính xác kết quả học tập sang đánh giá sự tiến bộ, vì sự tiến bộ của học sinh về phẩm chất và năng lực theo Chương trình Giáo dục phổ thông

Chính sách đánh giá học sinh hiện nay đang dần chuyển từ việc tập trung vào kết quả đánh giá đạt được sang việc xem xét môi trường học tập và quá trình học tập. Việc đánh giá dựa trên quá trình giúp nhận biết được khả năng học tập, tiến bộ và định hướng phát triển của học sinh. Mục đích đánh giá giữ vai trò chủ đạo, định hướng toàn bộ các thành tố còn lại trong quá trình đánh giá. Vì thế, thay đổi về mục đích đánh giá là thay đổi có tính vĩ mô, làm thay đổi toàn bộ các thành tố khác. Mục đích đánh giá trước năm 2013 tập trung chủ yếu vào thực hiện mục tiêu, nội dung và đánh giá chất lượng, xếp loại học sinh. Sau năm 2014, mục tiêu đánh giá tập trung vào giúp cho giáo viên và học sinh điều chỉnh hoạt động dạy và học để cải thiện kết quả với dấu mốc quan trọng là sự ra đời của Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT về kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học [21], [22], [23], [24]. Như vậy, mục đích đánh giá đã thay đổi từ tập trung phục vụ cho công tác quản lý chất lượng giáo dục sang chú trọng vào quá trình dạy học. Đánh giá dần trở thành một phần của quá trình dạy học (xem Hình 2).

Nguyên tắc đánh giá là những định hướng chung cho



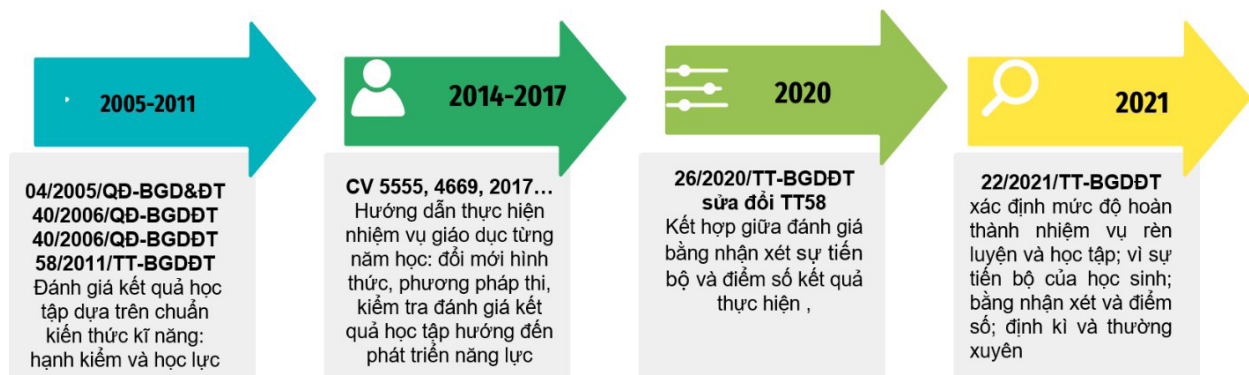
Hình 2: Sự chuyển dịch trong chính sách kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học

quá trình đánh giá. Nguyên tắc đánh giá trước năm 2014 tập trung vào đánh giá và xếp loại học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục. Sau năm 2014, nguyên tắc là đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh. Từ sự dịch chuyển về nguyên tắc đánh giá này mà vai trò của các hình thức đánh giá cũng thay đổi. Trong giai đoạn hiện nay, đánh giá thường xuyên, trong quá trình dạy học, bằng quan sát trực tiếp và phân hồi qua lời nói tới học sinh đóng vai trò quan trọng. Những phân tích trên đây cho thấy, chính sách đánh giá học sinh đã quan tâm tới những tác động tích cực của hoạt động đánh giá tới học sinh như là cơ hội trải nghiệm, tham gia để phát triển năng lực và phẩm chất cá nhân; đồng thời là sự cải tiến điều chỉnh hoạt động của giáo viên và cán bộ quản lý theo tinh thần đồng viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện của học sinh (xem Hình 3).

b. Sự chuyển dịch nội dung đánh giá từ xếp loại về hạnh kiểm, học lực theo chuẩn kiến thức kỹ năng sang đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực theo Chương trình Giáo dục phổ thông

Trước năm 2014, nội dung đánh giá học sinh tập

trung chủ yếu vào hai khía cạnh, đó là đánh giá và xếp loại về hạnh kiểm (thái độ, đạo đức), học lực của học sinh trong quá trình học tập và sau mỗi giai đoạn. Xếp loại được thực hiện theo các mức khác nhau tùy thuộc vào cấp bậc học. Ví dụ, đối với hạnh kiểm của học sinh trung học, có bốn mức xếp loại là tốt, khá, trung bình và yếu; còn học lực được xếp loại theo năm mức là giỏi, khá, trung bình, yếu và kém. Tuy nhiên, sau Nghị quyết 29/NQ-TW và các hướng dẫn từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã thay đổi về đánh giá học sinh để chuẩn bị cho việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bắt đầu từ Thông tư 27/2020 áp dụng cho cấp Tiểu học và Thông tư 22/2021 áp dụng cho cấp Trung học, nội dung đánh giá đã chuyển đổi để tập trung vào các yếu tố về phẩm chất và năng lực của học sinh trong toàn bộ các chủ đề học tập và hoạt động giáo dục [25], [26], [27], [28], [29]. Điều này đồng nghĩa với việc xem xét và đánh giá các khả năng và phẩm chất của học sinh một cách toàn diện hơn (xem Hình 4). Trước đó, khi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chưa ban hành, các văn bản hướng dẫn triển khai hoạt động năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã định hướng tới tiếp cận



Hình 3: Sự chuyển dịch trong chính sách kiểm tra đánh giá học sinh Trung học



Hình 4: Thay đổi mục đích, nguyên tắc, nội dung đánh giá trong Thông tư 22/2021

phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Điều này tạo cho giáo viên và cán bộ quản lý có tâm thế chuẩn bị tốt trong thời kì chuyển đổi.

c. Đa dạng hoá loại hình và phương pháp kiểm tra đánh giá, tăng cường đánh giá quá trình nhằm thúc đẩy hoạt động học tập thay vì chỉ tập trung vào đánh giá định kì bằng điểm số, xếp loại

Chính sách đánh giá học sinh hiện nay tạo điều kiện cho sự đa dạng hóa hình thức đánh giá, không chỉ dựa vào kì thi truyền thống mà còn sử dụng các phương pháp như bài tập thực hành, dự án, thảo luận nhóm. Điều này giúp phản ánh rõ hơn năng lực, kĩ năng và sự phát triển toàn diện của học sinh. Bắt đầu từ Thông tư 30/2014, Thông tư 26/2020, thay vì chỉ chú trọng đánh giá tổng kết, giáo viên được yêu cầu thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: Đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kĩ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên sử dụng những hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành (xem Hình 5).

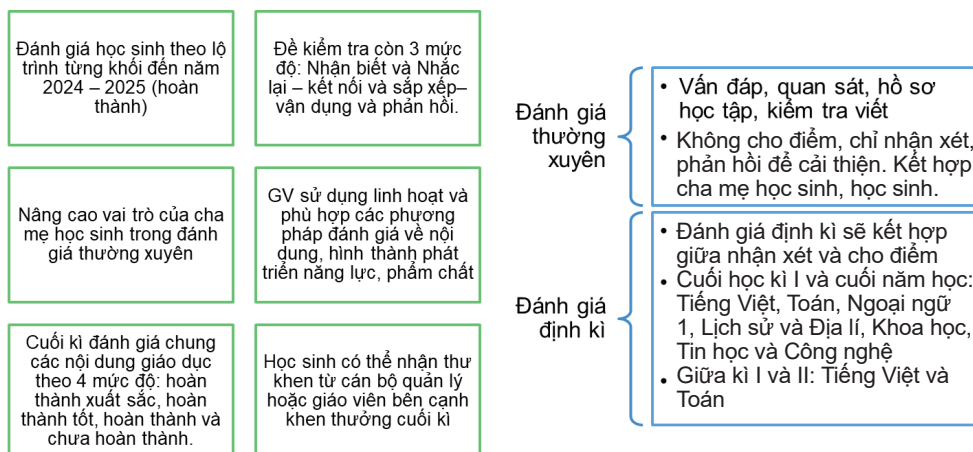
Bên cạnh đó, sự thay đổi cách thức xếp loại thay vì sử dụng điểm trung bình các môn học sang dùng mức độ đạt được của điểm trung bình 06 môn học ở cấp Trung học (Thông tư 22/2021); kết quả đánh giá các môn học và hoạt động giáo dục kết hợp với kết quả đánh giá định kì cuối năm (Thông tư 27/2020) đối với học sinh cấp Tiểu học, cũng góp phần thay đổi về cách thức đánh giá đảm bảo yêu cầu phát triển học sinh toàn diện về phẩm chất, năng lực. Thay vì chỉ sử dụng các bài kiểm tra, đánh giá nhằm mục đích cho điểm, kiểm tra đánh giá đã sử dụng kết hợp việc sử dụng điểm số và nhận xét nhằm thúc đẩy học tập và giúp học sinh tự tin, hứng thú với học tập. Thông qua đánh giá định tính, giáo viên theo dõi được sát quá trình học tập, điểm mạnh, điểm

yếu, khó khăn và thuận lợi của người học để có ứng xử và tác động phù hợp. Kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kì, cuối năm học; đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và nhận xét, góp ý lẫn nhau của học sinh, đánh giá của phụ huynh và cộng đồng. Khi chấm bài kiểm tra phải có phần nhận xét, hướng dẫn, sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Đối với học sinh có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lí thì cho học sinh kiểm tra lại.

Như vậy, việc kết hợp đánh giá bằng điểm số và nhận xét trong quá trình kiểm tra, đánh giá giúp tạo động lực cho học sinh, đồng thời mang lại thông tin chi tiết về tiến bộ, điểm mạnh và điểm yếu của học sinh, từ đó giúp giáo viên và những người liên quan có cách tiếp cận phù hợp để hỗ trợ và khuyến khích học sinh phát triển (xem Hình 6). Khía cạnh tác động tích cực của đánh giá đã được các văn bản chính sách về kiểm tra đánh giá thể hiện sự gắn kết từ mục tiêu, nguyên tắc, đến phương pháp và hình thức triển khai.

d. Tăng cường đánh giá khả năng vận dụng, vận dụng bậc cao thay vì chỉ tập trung đánh giá kiến thức; tăng cơ hội được thực hành trải nghiệm cho học sinh nhằm phát triển phẩm chất và năng lực

Chính sách đánh giá học sinh đang khuyến khích phát triển khả năng sáng tạo và tư duy phản biện thông qua việc áp dụng các hình thức đánh giá linh hoạt. Điều này giúp học sinh phát triển tư duy logic, khả năng giải quyết vấn đề và ứng dụng kiến thức vào thực tế. Các bài kiểm tra, đánh giá trước đây thường đặt nặng trọng số vào việc ghi nhớ nội dung kiến thức. Hiện nay, với hướng dẫn thiết kế ma trận đề kiểm tra, học sinh được đánh giá đầy đủ ở bốn cấp độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng bậc cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh ở từng học kì



Hình 5: Đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020

và từng khối lớp, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo bốn mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao. Kết hợp một cách hợp lí giữa hình thức trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự đề học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, các vấn đề của địa phương. Sự đa dạng các hình thức và phương pháp đánh giá, tổ chức các hoạt động giúp giáo viên tạo ra những cơ hội trải nghiệm và thể hiện những kĩ năng học tập quan trọng của thế kỉ XXI: giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2.3. Một số bất cập trong chính sách kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông từ sau Nghị quyết 29/NQ-TW

a. Khoảng trống giữa Nghị quyết 29/NQ-TW, chương trình và chính sách đánh giá

Những vấn đề về mục đích, nguyên tắc, phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh được nêu ra trong các văn bản có tính cập nhật, tiên bộ và bám sát Nghị quyết 29/NQ-TW, đến việc cụ thể hoá các năng lực, phẩm chất trong chương trình giáo dục giáo dục tổng thể; nhưng lại thiếu chỉ dẫn/ gắn kết khi thiết kế yêu cầu cần đạt theo từng chủ đề tới các năng lực thành phần. Do đó, giáo viên gây khó khăn khi triển khai dạy học cũng như kiểm tra, đánh giá trong thực tiễn. Các năng lực và phẩm chất chung chưa có bộ tiêu chí/chỉ bảo cụ thể để giáo viên thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học - giáo dục và thực hiện đánh giá.

Thiếu những chỉ dẫn cụ thể cho giáo viên thiết kế, xây dựng các công cụ đánh giá năng lực; tổ chức triển khai đề kiểm tra, đánh giá thực sự là hoạt động thúc đẩy

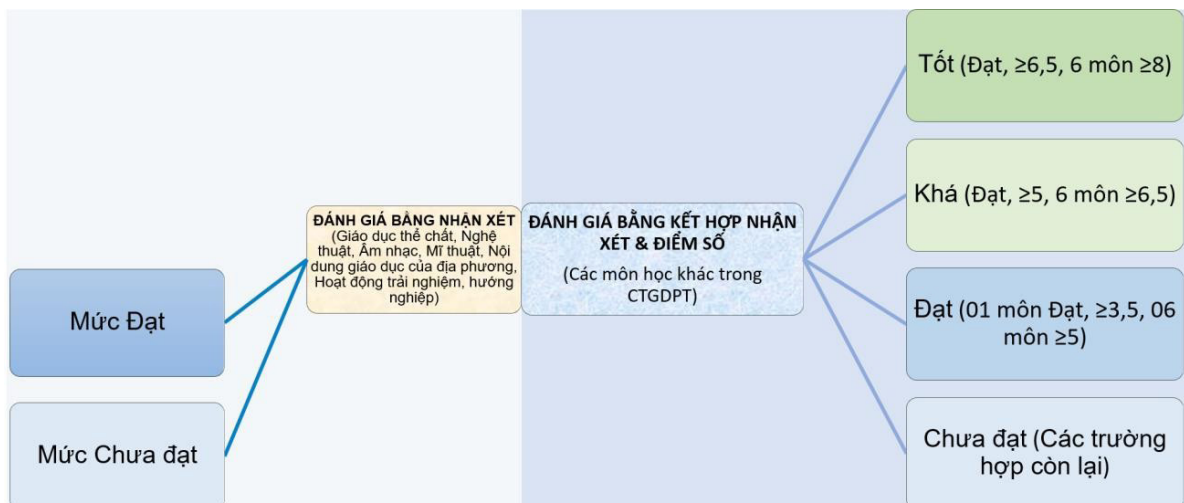
việc học. Xem xét thực tiễn tập huấn triển khai kiểm tra, đánh giá theo chương trình sách giáo khoa mới cho giáo viên. Nội dung tập huấn chủ yếu tập trung vào thiết kế ma trận, đề thi, viết câu hỏi trắc nghiệm hướng tới các mục tiêu về nhận thức; chưa gắn kết với các năng lực, đặc biệt là những năng lực đặc thù của môn học. Những điều này chưa đảm bảo các điều kiện cần thiết để giáo viên và cán bộ quản lí triển khai hoạt động kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực học sinh như định hướng đã đề ra.

b. Những điểm bất cập, chưa hợp lí trong chính sách đánh giá học sinh

Việc bỏ hoàn toàn điểm số trong kiểm tra mà chỉ thông qua nhận xét, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì đối với học sinh tiểu học chưa thực sự hợp lí. Đánh giá bản chất là sự so chiếu với mục tiêu học tập, yêu cầu cần đạt (tiêu chí – mô tả sự thành công của người học). Vì vậy, dù chấm điểm hay không vẫn cần sự lượng hoá cụ thể trước khi giáo viên thực hiện nhận xét, để những nhận xét/phản hồi thực sự có giá trị như mục đích và nguyên tắc vì sự tiến bộ, động viên khích lệ sự cố gắng của học sinh trong quá trình học tập.

Việc yêu cầu đánh giá, nhận xét với một số môn học và kết hợp nhận xét với điểm số ở cả hai cấp bậc học; đánh giá bằng nhận xét về năng lực và phẩm chất chung (kết quả rèn luyện) chưa có chỉ dẫn cụ thể (tiêu chí, biểu hiện, mức độ ...), chưa tính tới thực tiễn cụ thể của từng môn học dẫn đến giáo viên, cán bộ quản lí sẽ triển khai chung chung, đại khái, hình thức hay nói cách khác là thiếu hiệu quả.

Đa dạng hoá các hình thức kiểm tra, đánh giá là một điểm mới. Nhưng việc không cho chế tài – quy định tối thiểu thực hiện các hoạt động đánh giá như thuyết trình, đánh giá thông qua sản phẩm, sử dụng Rubric trong đánh giá của môn học, cấp chương trình nhà trường... dẫn đến xu hướng giáo viên chỉ thực hiện những hoạt động quen thuộc như các bài kiểm tra viết. Do vậy, định



Hình 6: Thay đổi cách thức xếp loại học sinh Trung học trong Thông tư 22/2021

hướng đánh giá hình thành năng lực, phẩm chất khó đi vào thực tiễn. Những hoạt động đánh giá quá trình, đánh giá thông qua hoạt động, thông qua sản phẩm nhằm hình thành và phát triển các năng lực, phẩm chất chung như giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo... còn ít được đề cập hoặc đề cập sơ sài.

Chương trình Giáo dục phổ thông phát triển theo định hướng tích hợp ở cấp dưới, phân hoá ở cấp trên. Việc xuất hiện các môn tích hợp Khoa học tự nhiên, Lịch sử - Địa lí, các môn giáo dục địa phương/hoạt động trải nghiệm là điểm mới nhưng cũng là thách thức cần được xem xét khi ban hành các văn bản chính sách về kiểm tra, đánh giá. Điểm này đang là khoảng trống trong thông tư về kiểm tra, đánh giá hiện hành.

Khen thưởng từ lâu đã là hình thức ghi nhận và khích lệ quen thuộc đối với cả phụ huynh, học sinh (Xuất sắc, giỏi, tiên tiến...). Tuy nhiên, các đánh giá toàn diện thông qua việc đạt mức của 6/8 môn và chính sách khen thưởng cho học sinh xuất sắc sẽ không thể hiện được mục đích động viên, khuyến khích sự cố gắng của các em.

Chủ trương cho trẻ khuyết tật được tham gia học tập và hoà nhập với môi trường lớp học là đúng đắn nhưng nó cũng cần sự thay đổi đồng bộ các chính sách xác định, giáo dục, kiểm tra đánh giá... Chính sách đánh giá học sinh khuyết tật mới là gợi ý, định hướng mà chưa có mốc/ranh giới cụ thể để thực hiện. Điểm này chắc chắn sẽ gây khó khăn khi giáo viên, cán bộ quản lí triển khai các hoạt động.

3. Kết luận

Chính sách kiểm tra, đánh giá trong Giáo dục phổ thông từ sau Nghị quyết 29/NQ-TW có nhiều thay đổi. Một trong những dấu mốc quan trọng của thay đổi đó chính là sự ra đời của Thông tư 30/2014-BGDĐT quy định kiểm tra, đánh giá ở cấp Tiểu học. Mặc dù những quy định về kiểm tra đánh giá học sinh trong Thông tư này còn một số tồn tại và được khắc phục ở những văn bản hướng dẫn sau này nhưng những thay đổi về mục đích đánh giá, yêu cầu đánh giá, nội dung đánh giá, phương thức đánh giá trong Thông tư 30/2014. Một loạt những văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá sau đó, như Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT... đã tạo ra sự thay đổi căn bản phương pháp dạy học, chuyển từ tập trung trang bị kiến thức sang hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, từng bước hiện thực hóa được những định hướng lớn của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam trong những năm qua. Bên cạnh những thành tựu đạt được nêu trên, những chính sách về kiểm tra, đánh giá học sinh khi triển khai trong thực tiễn cũng bộc lộ một vài hạn chế, cụ thể như sau:

Thứ nhất, một số thay đổi về quy chế đánh giá quá cứng nhắc, khiến cưỡng và thiếu thực tế. Chẳng hạn,

Thông tư 30/2014 về kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học quy định đánh giá thường xuyên bằng viết lời nhận xét vào vở và số theo dõi chất lượng. Việc làm này khiến giáo viên mất nhiều thời gian để viết nhận xét và không có thời gian để dạy học.

Thứ hai, một số thay đổi về quy định kiểm tra, đánh giá học sinh chưa tương thích với thực tế dạy học. Việc bỏ hoàn toàn điểm số trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì với một số môn học ở Tiểu học trong một giai đoạn gây hoang mang cho cha mẹ học sinh và cả các thầy cô giáo. Trong khi đó, điểm số được sử dụng phổ biến và lâu dài để lượng hóa kết quả học tập của người học.

Thứ ba, những hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh thể hiện trong các thông tư và những văn bản hướng dẫn khác từ các cơ quan quản lí giáo dục chưa đủ cụ thể, chi tiết để nhà trường và giáo viên phổ thông thực hiện đánh giá. Nhìn chung, những hướng dẫn về đánh giá học sinh phổ thông ngày nay mới tiệm cận với đánh giá phẩm chất, năng lực người học mà chưa thực sự đánh giá được phẩm chất, năng lực người học.

Thứ tư, công tác truyền thông về những đổi mới trong quy định đánh giá học sinh ở một số văn bản quy định (điển hình là Thông tư 30/2014) chưa đủ tốt để cha mẹ học sinh và xã hội chấp nhận. Chính vì thế, khi Thông tư được triển khai trong thực tiễn đã gặp phải không ít những phản ứng tiêu cực từ dư luận, trong đó có cả chính đội ngũ giáo viên trực tiếp đứng lớp.

Từ những phân tích trên đây, nhóm nghiên cứu đề xuất một số điều kiện đảm bảo để triển khai hiệu quả những đổi mới về chính sách kiểm tra, đánh giá trong giáo dục phổ thông:

- Rà soát, cập nhật chương trình giáo dục; sớm ban hành chuẩn đánh giá Chương trình Giáo dục phổ thông, trong đó xác định các yêu cầu cần đạt theo năng lực/năng lực thành phần làm cơ sở đánh giá chất lượng dạy học; xác định/lựa chọn các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá phù hợp. Bổ sung tiêu chuẩn đánh giá, hướng dẫn đánh giá năng lực và phẩm chất chung. Đây là bước chuyên hoá thực chất tiếp cận năng lực từ Nghị quyết 29/NQ-TW đến chương trình giáo dục, sách giáo khoa.

- Ban hành sớm phương án thi và xét tốt nghiệp Trung học phổ thông từ năm 2025 theo định hướng đánh giá toàn diện "Học gì được đánh giá đó". Tính đến phương án phân cấp trong thực hiện đánh giá cuối cấp theo triết lí toàn diện.

- Rà soát, bổ sung những điểm bất cập trong thông tư đánh giá học sinh, có yêu cầu bắt buộc để giáo viên thực hiện đa dạng hoá các hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất. Các nội dung về đánh giá, nhận xét cần yêu cầu bám sát năng lực phẩm chất của môn học đã được ban hành. Nghiên cứu bổ sung quy định

về hoạt động dạy học, giáo dục, việc kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự tường minh nhưng không làm giảm sự linh hoạt và sáng tạo của giáo viên. Chính sách kiểm tra, đánh giá nên có quy định bắt buộc, tối thiểu số lần với một số loại hình đánh giá mới trong một học kỳ, một dự án thực hiện theo nhóm, đánh giá thông qua sản phẩm, đánh giá các năng lực và phẩm chất chung.

- Đổi mới căn bản về chất và lượng của hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý: Cung cấp chương trình đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu về phương pháp giảng dạy, đánh giá và kiểm tra. Đảm bảo sự sẵn sàng về năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý từ nhận thức tới thực hành, sự sẵn sàng thay đổi; Thực hiện có hiệu quả các mô đun bồi dưỡng theo Quyết định 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 02 năm 2019; bao gồm rà soát, xây dựng tài liệu, triển khai và đánh giá hiệu quả. Bên cạnh triển khai các nội dung bồi dưỡng về triển khai chương trình, thực hiện quy định về đánh giá..., giáo viên cần được bồi dưỡng có hiệu quả về việc thiết kế, sử dụng, triển khai các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá tiếp cận năng lực, phẩm chất, ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá theo các văn bản hướng dẫn và các quy định, thông tư hiện hành; Tăng cường đào tạo giáo viên dạy học tích hợp tại các cơ sở đào tạo giáo viên trên cả nước.

- Tổ chức biên soạn các ngân hàng câu hỏi, đề thi, nhiệm vụ học tập và những công cụ đánh giá có chất lượng (dự án, sản phẩm hoạt động...) cho từng năng lực, phẩm chất cụ thể theo từng môn, từng lớp học. Cung cấp tài liệu và tài nguyên hỗ trợ cho giáo viên để thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng, bao gồm ví dụ về các bài tập, bài kiểm tra mẫu

và các hướng dẫn chi tiết. Có chính sách để phát triển và nhân rộng tại các Sở, Phòng, cụm hoặc tại từng trường. Tạo điều kiện và khuyến khích sự đổi mới: Tạo ra môi trường thuận lợi để giáo viên thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá và dạy học (diễn đàn, cộng đồng...). Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm giữa giáo viên để nâng cao chất lượng giảng dạy và đánh giá.

- Huy động sự đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, nguồn học liệu chất lượng với những đặc trưng của giáo dục phát triển năng lực: hệ thống phòng thí nghiệm, thư viện... Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt phát triển các hệ thống, hệ sinh thái giáo dục (học liệu, lớp học, hệ thống đánh giá, phát triển các hệ thống học tập, đánh giá năng lực học sinh theo các năng lực phẩm chất, các công cụ hỗ trợ giáo viên...).

- Công tác truyền thông về những chính sách mới trong giáo dục, kiểm tra, đánh giá học sinh cần quan tâm thực hiện hiệu quả hơn để mỗi chính sách mới về kiểm tra đánh giá không chỉ đến được với những giáo viên trực tiếp đứng lớp mà đòi hỏi phụ huynh, toàn xã hội cũng nắm bắt được đầy đủ. Từ đó, tạo sự đồng thuận trong toàn hệ thống giáo dục, góp phần đưa những chủ trương, chính sách mới về giáo dục đi vào thực tiễn thành công và hiệu quả.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội qua đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội: “Đánh giá về đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, chất lượng giáo dục phổ thông sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng”.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương, (04/11/2013), Nghị quyết 29-NQ/TW về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI.
- [2] Nitko, A. J., & Brookhart, S. M. (2007), *Educational Assessment of Students*, Pearson Merrill Prentice Hall.
- [3] Wesselink, R., Dekker-Groen, A. M., Biemans, H. J., & Mulder, M. (2010), *Using an instrument to analyze competence-based study programs: teachers' experiences in Dutch vocational education and training*, Journal of Curriculum Studies, 42(6), 813-829.
- [4] <https://excelined.org/2017/05/22/competency-based-education-a-national-landscape/>.
- [5] Arora, S., Mathur, U., & Datta, P. (2018), *Competency-based assessment as a reliable skill-building strategy for allied ophthalmic personnel*, Community Eye Health, 31(102), S5.
- [6] Tuxworth, E. (1989), *Competence-based education and training: background and origins*, Competency-Based Education and Training, 9-22.
- [7] Idrissi, M. K., Hnida, M., & Bennani, S. (2020), *Competency-based assessment: from conceptual model to operational tool*, In Learning and Performance Assessment: Concepts, Methodologies, Tools, and Applications (pp. 108-129). I.G.I. Global.
- [8] Siobhan, Leahy, Lyon, C, Thompson, M, & William, D. (2005), *Classroom Assessment: Minute by Minute, Day by Day*, Educational Leadership, 63(3), 19-24.
- [9] Tomlinson, C. A. (2014), *The differentiated classroom: Responding to the needs of all learners*, Ascd.
- [10] Gierl, M. J., and Lai, H. (2016), *A process for reviewing and evaluating generated test items*, Educ. Meas. Issues Pract. 35, 6–20, doi: 10.1111/emip.12129.
- [11] Shin, J., Guo, Q., and Gierl, M. J. (2021), *Automated essay scoring using deep learning algorithms*, in Handbook of Research on Modern Educational Technologies, Applications, and Management. Ed. D. B. A. M. Khosrow-Pour (Hershey, PA, U.S.A.: I.G.I. Global).
- [12] Inden, W. J. V. D., and Glas, G. A. W. (2000), *Computerized Adaptive Testing: Theory and Practice*, London: Kluwer Academic Publishers.
- [13] Dawson, P. (2021), *Defending Assessment Security in a Digital World: Preventing e-cheating and Supporting Academic Integrity in Higher Education*, London: Routledge.
- [14] *The five latest trends in assessment and how they*

- can transform your organisation, TestReach. (n.d.), Retrieved April 23, 2023, <https://www.testreach.com/blog-post/the-five-latest-trends-in-assessment.html>.
- [15] Nguyễn, T. B. Y, (2020), *Tác động của việc đổi mới hình thức kiểm tra - đánh giá lên chất lượng giáo dục đối với sinh viên chuyên ngành Thương mại tại HUFLIT*, Hội thảo khoa học quốc gia (UNC): Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.687-95.
- [16] Nguyễn Đức Chính, (2018), *Đánh giá thực kết quả học tập trong giáo dục đại học và đào tạo nguồn nhân lực*, http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=f96d68e2-d50e47b4-b844-b79ee700f7d.
- [17] VY, Nguyen Thi Phuong; LIEN, Vu Phuong; HUNG, Le Thai, (2023), *Science Competence Assessment at Middle School: Teacher's Perception and Practice*. *V.N.U, Journal of Science: Education Research*, [S.I.], ISSN 2588-1159. Available at: <<https://js.vnu.edu.vn/ER/article/view/4661>>. Date accessed: April 27, 2023. doi: <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4661>.
- [18] Lê Thái Hưng - Nguyễn Thái Hà, (2021), *Xu thế kiểm tra đánh giá năng lực người học trên nền tảng công nghệ*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 42, tr.1-6, ISSN 2615-8965. <http://vjes.vnies.edu.vn/vi/xu-kiem-tra-danh-gia-nang-luc-nguoi-hoc-tren-nen-tang-cong-nghe>.
- [19] Hung, L. T, (2021), *How does Online Formative Feedback Impact Student's Motivation and Self-Directed Learning Skills during the COVID-19 Pandemic?* *Journal of Educational and Social Research*, 11(5), 11-21. <https://doi.org/10.36941/jesr-2021-0101>.
- [20] Nguyễn. T.T.M., (2022), *Đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá sinh viên bằng một số công cụ dạy học hiện đại*, Tạp chí Giáo dục, 22(13), tr.14- 20.
- [21] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (27/10/2009), Thông tư số 32/2009/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học.
- [22] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2014), Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT Quy định đánh giá học sinh tiểu học.
- [23] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2016), Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi Quy định đánh giá học sinh tiểu học kèm theo Thông tư 30/2014/TT- BGDĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- [24] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT Quy định đánh giá học sinh tiểu học.
- [25] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (16/02/2005), Quyết định số 04/2005/QĐ-BGD&ĐT Quy chế kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở.
- [26] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (05/10/2006), Quyết định số 40/2006/QĐ-BGDĐT ban hành Quy định kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.
- [27] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (05/10/2006), Quyết định số 40/2006/QĐ-BGDĐT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [28] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học.
- [29] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.
- [30] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông.

CHANGES IN POLICY ON TESTING AND ASSESSING THE QUALITY OF GENERAL EDUCATION AFTER TEN YEARS OF IMPLEMENTING RESOLUTION 29-NQ/TW

Nguyen Quy Thanh¹, Phạm Quang Tiệp²,
Le Thai Hung^{*3}, Le Lam⁴

¹ Email: ngthan@vnu.edu.vn

² Email: tiiep@vnu.edu.vn

* Corresponding author

³ Email: hunglethai82@gmail.com

VNU University of Education
144 Xuan Thuy street, Cau Giay district,
Hanoi, Vietnam

⁴ Email: lamdaiviet1@gmail.com

Dai Viet - Sai Gon College
193 Nguyen Xi street, Binh Thanh district,
Ho Chi Minh City, Vietnam

ABSTRACT: Resolution No. 29-NQ/TW on a fundamental and comprehensive renovation of Education and Training to meet the needs of industrialization and modernization in the context of market economy, socialist orientation, and international integration was issued by the XI Central Committee on November 4, 2013, during the 8th Conference. Consequently, the Resolution said that it was "Basically renovating the form and method of examination, testing, and evaluation of education and training results". Following a decade of implementation, there have been notable transformations. The success of the current educational reform depends critically on revolutionary changes, particularly in the areas of education quality monitoring and assessment. This paper is a part of the results of the crucial scientific task: "Survey and research on innovation, test and evaluate the quality of general education". The following primary topics are covered in its content: (1) Reviewing the modifications made to the policy for testing and evaluating the standard of general education subsequent to the delivery of Resolution 29-NQ/TW; and (2) Evaluating their advantages and disadvantages.

KEYWORDS: Examination, assessment, educational innovation, general education, competency assessment.